

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST

Ngày 07/8/2019

Về việc: “*Ly hôn,  
tranh chấp nuôi con*”

## **NHÂN DANH**

### **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

#### **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA**

##### **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đình Hợp

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Duy Năm và bà Đỗ Thị Hằng

*Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Sỹ Vĩ, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa:* ông Đào Hải Toàn- Kiểm sát viên.

Ngày 07/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thụ lý số 162/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11 ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

\*> *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Th, sinh năm 1990

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã An, huyện TS, có đơn xin xử án vắng mặt

\*> *Bị đơn:* Anh Lê Việt Đ - Sinh năm 1987

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã TN, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải. Nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày: Chị Th và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 04/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã An Nông, huyện Triệu Sơn, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình quan điểm sống không hợp và do làm ăn kinh tế giảm sút, anh Đ không chịu làm ăn hay bài bạc, nhiều lần thua bạc lấy tài sản gia đình đi cầm cố, chị Th khuyên bảo anh Đ không nghe mà còn chửi mắng, đánh đập chị, mâu thuẫn vợ

chồng đã được hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo, nay chị Th xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị Th trình bày vợ chồng có hai con chung cháu Lê Viết Gia Kh, sinh ngày 04/3/2012 và cháu Lê Viết Gia M, sinh ngày 12/8/2015, từ khi vợ chồng ly thân cả hai cháu ở với chị Th, nay vợ chồng ly hôn chị Th đề nghị nếu cháu Kh có nguyện vọng ở với anh Đ, đề nghị anh Đ nuôi cháu Kh, chị nuôi cháu M không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai, nếu anh Đ không nuôi chị xin nuôi cả hai con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi hai con 2.000.000đ/tháng, tại phiên hòa giải ngày 02/7/2019 chị Th đồng ý để anh Đ nuôi 2 con và cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng, tại đơn xin xử án vắng mặt, chị Th thay đổi ý kiến xin nuôi cả hai con và nại rằng anh Đ nghiện ma túy, bài bạc, bạo hành nên nuôi con sẽ không đảm bảo giáo dục tốt.

Về tài sản: Chị Th không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Viết Đ, tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa trình bày thừa nhận cơ sở kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Th trình bày là đúng, trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh nhiều lần điện thoại và đến thăm thăm hỏi động viên để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Th không chấp nhận, nay chị Th xin ly hôn anh xét thấy vẫn còn tình cảm yêu thương chị Th nên không đồng ý ly hôn, nếu chị Th cương quyết ly hôn thì chị Th phải gặp anh hoặc gia đình anh bày tỏ nguyện vọng.

Về con chung: Anh Đ thống nhất vợ chồng có hai con chung như chị Th trình bày là đúng, từ khi vợ chồng ly thân cả hai cháu ở với chị Thu, tại biên bản hòa giải ngày 02/7/2019 chị Th đã thống nhất để anh trực tiếp nuôi 2 con và cấp dưỡng nuôi 2 con 3 triệu đồng một tháng, nay anh vẫn xin nuôi hai con và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con, bản thân có nghề nghiệp và thu nhập ổn định

Về tài sản: Anh Đ thống nhất như ý kiến chị Th, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đ có trình bày vợ chồng khoản nợ chung nhưng anh sẽ yêu cầu giải quyết sau.

#### **Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:**

\*> Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử:

- Thẩm phán: Xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành các hoạt động tố tụng như ra thông báo thụ lý, thông báo phiên họp, phiên hòa giải, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ đúng trình tự tố tụng.

- Thư ký: Tổng đạt các văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng quy định.

- HĐXX: Đúng thành phần, thời gian, địa điểm ghi trong Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, xét hỏi rõ ràng, đúng trọng tâm, dành nhiều thời gian cho đương sự trình bày ý kiến.

\*> Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ.

\*> Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, điều kiện thực tế của vợ chồng đều không có việc làm, thu nhập ổn định để giao mỗi người nuôi 1 con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Phần tranh luận: Nguyên đơn không có ý kiến tranh luận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Th có đơn xin xử án vắng mặt, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố Tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Lê Viết Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã An Nông, huyện Triệu Sơn, nên là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, anh Đ lại hay uống rượu chửi mắng chị Th, gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai, nay chị Th xét thấy vợ chồng không còn tình cảm và đề nghị được ly hôn anh Đ, anh Đ thừa nhận tình trạng hôn nhân của vợ chồng hiện tại sống ly thân, là do chị Th bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã An Nông sinh sống, lúc đầu anh có đến thăm hỏi, khuyên nhủ chị Th quay về vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Th không chấp nhận, anh vẫn còn tình cảm với chị Th, anh yêu cầu chị Th quay về để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái, nếu chị Th cương quyết ly hôn, thì phải gặp anh hoặc gia đình anh trình bày nguyện vọng.

Xét thấy việc anh Đ yêu cầu đoàn tụ nhưng không có thiện chí, không có giải pháp để vợ chồng đoàn tụ, thể hiện sau khi thu lý vụ án, Tòa án báo hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng đến khi Tòa án chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử anh Đ mới có ý kiến và đề nghị Tòa án hòa giải để được gặp chị Th, quá trình hòa giải chị Th vẫn thiết tha xin ly hôn, anh Đ cũng thừa nhận vợ chồng ly thân lâu nay, nếu chị Th cương quyết ly hôn phải xin anh và gia đình anh, như vậy nguyện vọng đoàn tụ

của anh Đ không xuất phát từ tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Th xin ly hôn anh Đ là có căn cứ phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án về tình trạng thực tế hôn nhân của vợ chồng, phù hợp với quy định của pháp luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th, xử cho chị Th được ly hôn anh Đạt.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có hai con chung cháu Lê Viết Gia Kh, sinh ngày 04/3/2012 và cháu Lê Viết Gia M, sinh ngày 12/8/2015, quá trình hòa giải các đương sự thống nhất anh Đ trực tiếp nuôi cả hai con, chị Th cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng.

Xét thấy nguyện vọng nuôi con của vợ chồng là chính đáng, quá trình khởi kiện và lời khai của chị Th đều thể hiện nguyện vọng mỗi người nuôi 1 con, tuy nhiên trong biên bản hòa giải các đương sự thỏa thuận để anh Đ trực tiếp nuôi cả hai, nhưng tại đơn xin xử án vắng mặt, chị Th thay đổi ý kiến xin nuôi cả hai con không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con và nại rằng anh Đạt cờ bạc, nghiện ma túy, nếu nuôi con sẽ không đảm bảo sự chăm sóc giáo dục tốt, tại phiên tòa anh Đ vẫn giữ yêu cầu nuôi hai con và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con và cho rằng chị Th không đủ tư cách nuôi con. Sự thỏa thuận cũng như yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con của vợ chồng là không phù hợp với nguyện vọng của con trên 7 tuổi, không phù hợp điều kiện thực tế của mỗi bên, không phù hợp với kết quả Tòa án xác minh tại địa phương. Vợ chồng trình bày có việc làm và thu nhập ổn định nhưng đều không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc làm và thu nhập ổn định, Tòa án đã xác minh tại địa phương thì cả hai vợ chồng đều không có việc làm, thu nhập ổn định, anh Đ hiện đang sống chung cùng mẹ già trên 70 tuổi và chị gái đã ly hôn, chị Th đang sống chung cùng bố mẹ và vợ chồng em trai, do đó nếu giao 1 bên trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con sẽ khó khăn cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con được tốt, để đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con được tốt giao vợ chồng mỗi người nuôi 1 con, giao anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Viết Gia Kh, sinh ngày 04/3/2012, giao chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Viết Gia M, sinh ngày 12/8/2015, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào, vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hai bên được quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Đối với lời nại của chị Th cho rằng anh Đ hay cờ bạc, nghiện ma túy tính tình hung hãn nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, Tòa án đã xác minh tại địa phương nơi anh Đ sinh sống, thì địa phương chưa xử lý anh Đ về hành vi sử dụng ma túy và đánh đập lần nào nên không có căn cứ xác định anh Đ có sử dụng ma túy và đánh đập, Tại phiên tòa anh Đ không thừa nhận có hành vi sử dụng

ma túy và đánh bạc, chỉ thừa nhận trước khi kết hôn đã bị xử lý hình sự về hành vi gây rối trật tự công cộng, do đó không căn cứ để xem xét lời nại của chị Thu.

[3] Về tài sản: Các đương sự đều thống nhất không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Trong nội dung bản tự khai của anh Đ không yêu cầu giải quyết nợ chung của vợ chồng, tại biên bản hòa giải ngày 02/7/2019 anh Đ trình bày vợ chồng có nợ chung nhưng quá trình giải quyết không trình bày cụ thể mặc dù đã được Tòa án hướng dẫn giải thích và dành thời gian để anh Đ cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về nợ chung của vợ chồng, nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh, không trình bày cụ thể được khoản nợ chung, chị Th cũng không có ý kiến gì về nội dung này, nên không có căn cứ xem xét yêu cầu của anh Đ về nợ chung của vợ chồng trong bản án này.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lý lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 271,273,280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Lê Thị Th và anh Lê Viết Đ;

Về con chung: Giao chị Lê Thị Th trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lê Viết Gia M, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2015, giao anh Lê Viết Đ trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lê Viết Gia Kh, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2012, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào, hai bên được quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở nhưng không được lợi dụng việc nuôi con, thăm con để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, giáo dục con, vì lợi ích của con khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Không có căn cứ xem xét giải quyết yêu cầu của anh Đ trong bản án này.

Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 3521 ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, chị Th đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được hực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn
- CCTHADS huyện Triệu Sơn;
- UBND xã An Nông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Lê Đình Hợp**